

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2021/DSST

Ngày 01 - 10 - 2021

Về việc “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Sơn Thị Hồng Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Thúy Liễu

2. Bà Trần Thị Sang

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Ông Trần Văn Thòn, Kiểm sát viên.

Trong ngày 01 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 76/2020/TLST-DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS, ngày 10 tháng 9 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 4, Tòa nhà N04 Hoàng Đạo Thúy, Trung Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Phước T, chức vụ: Trưởng phòng Tín dụng và chăm sóc thành viên - Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – chi nhánh Trà Vinh (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ chi nhánh: Số 9, 10 Điện Biên Phủ, phường 6, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng N, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: Đường ST khóm 1, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh.

Nơi làm việc: Trường Tiểu học HM A (nay là Trường Tiểu học Hòa Minh B).

Địa chỉ: xã H M, huyện CT, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2020, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin giải quyết vắng mặt, đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam, ông Lê Phước T trình bày:

Vào ngày 11/7/2017, ông Nguyễn Hồng N có vay tiền tại Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam – chi nhánh Trà Vinh theo hợp đồng tín dụng TD 29100032.

Số tiền vay 150.000.000 đồng; thời hạn vay từ ngày 11/7/2017 đến 11/7/2022.

Nợ gốc trả trong 60 kỳ, từ kỳ 01 đến kỳ 59 trả 1.670.000 đồng vào ngày 20 hàng tháng, kỳ cuối trả 1.470.000 đồng vào ngày đến hạn.

Mục đích vay: Chăn nuôi, mua sắm đồ dùng cho cá nhân, gia đình và các chi phí khác có liên quan đến sinh hoạt của gia đình.

Tính đến ngày 17/9/2020, ông N đã trả được 7.500.000 đồng;

Dư nợ gốc còn lại: 142.500.000 đồng.

Ngày chuyển nợ quá hạn: 30/11/2017.

Tính đến ngày 01/10/2021:

Dư nợ gốc còn lại: 142.500.000 đồng.

Tổng nợ lãi là 80.087.500 đồng (lãi trong hạn 35.758.800 đồng; nợ lãi quá hạn 44.328.700 đồng).

Nhóm nợ hiện tại: Nhóm 5; Ông Nguyễn Hồng N vay bằng quỹ lương tại đơn vị công tác Trường tiểu học Hòa Minh B, có sự xác nhận của Thủ trưởng đơn vị và Chủ tịch công đoàn. Trong phương án sử dụng vốn và cam kết trả nợ ông N cam kết.

Khi ông N nghỉ việc, ông N không trả hết nợ vay (gốc và lãi phát sinh) theo như cam kết vay vốn. Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam – Chi nhánh Trà Vinh có liên hệ để đơn đốc trả nợ và ông N có cam kết trả nợ nhưng đến nay vẫn chưa thực hiện việc trả nợ vay Ngân hàng.

Nay Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam yêu cầu ông Nguyễn Hồng N phải có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng theo Hợp đồng vay số TD 29100032 ký ngày 11/07/2017 với tổng số tiền tính đến ngày 01/10/2021 là 222.587.500 đồng. Trong đó: vốn gốc là 142.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.758.800 đồng, nợ quá hạn 44.328.700 đồng) và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi phát sinh từ ngày

02/10/2021 theo Hợp đồng vay số TD 29100032 ký ngày 11/07/2017 cho đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng.

- Bị đơn ông Nguyễn Hồng N không có mặt tại địa phương, Tòa án đã tiến hành niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng để thông báo và triệu tập ông Nguyễn Hồng N tham gia tố tụng nhưng ông N không có mặt để trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cũng không có lời khai cung cấp cho Tòa án.

Ý kiến của vị Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự thực hiện theo các quy định tại các Điều 26, 68, 70, 71, 72 177, 196, 203, 208 và Điều 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng khoản 3, Điều 26; điểm a, khoản 1, Điều 35; Điều 147, Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Căn cứ Điều 463, 466, Điều 470 Bộ luật Dân sự 2015;

Căn cứ Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Hồng N có trách nhiệm trả cho Ngân hàng Hợp tác xã Việt Nam tổng số tiền tính đến ngày 01/10/2021 tổng cộng số tiền 222.587.500 đồng (Trong đó: Nợ gốc 142.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.758.800 đồng, nợ lãi quá hạn 44.328.700 đồng) và tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ và tiền lãi phát sinh từ ngày 02/10/2021 theo Hợp đồng vay số TD 29100032 ký ngày 11/07/2017 cho đến khi ông N thanh toán hết nợ cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

Về án phí: Bị đơn ông Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Căn cứ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xét hợp đồng tín dụng giữa nguyên đơn và bị đơn nên quan hệ tranh chấp của vụ án là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”. Căn cứ hợp đồng cho vay TD 29100032 ký ngày 11/07/2017, nơi làm việc bị đơn tại Trường Tiểu học Hòa Minh B (nay là Trường tiểu học Hòa Minh A), địa chỉ: xã Hòa Minh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án

nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh theo khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tổ tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Đối với bị đơn ông Nguyễn Hồng N, sau khi thụ lý vụ án Tòa án tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho ông Nguyễn Hồng N. Tuy nhiên, qua kết quả xác minh chính quyền địa phương thì ông Nguyễn Hồng N ngày 16/7/2020 và qua kết quả xác minh ngày 15/01/2021, đại diện Công an phường 7, thành phố Trà Vinh cung cấp như sau: Ông Nguyễn Hồng N có đăng ký hộ khẩu thường trú tại khóm 1, phường 7, thành phố Trà Vinh, tỉnh Trà Vinh nay đương sự đã bán nhà bỏ địa phương đi làm gì không ai biết, không ai biết địa chỉ ở đâu. Đối với kết quả xác minh ông Nguyễn Thanh Hải - Hiệu trưởng trường Tiểu học Hòa Minh A, ông Hải cho biết ông N nghỉ việc trước tháng 9/2017. Từ khi ông N nghỉ việc đến nay không ai biết được thông tin cũng như địa chỉ của ông N.

Do ông Nguyễn Hồng N vắng mặt tại nơi cư trú; không rõ địa chỉ nơi cư trú mới nên Tòa án tiến hành lập biên bản về việc không thực hiện được việc cấp, tổng đạt có xác nhận của chính quyền địa phương và thực hiện thủ tục niêm yết công khai tất cả các văn bản tố tụng của Tòa án đúng theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ vào hợp đồng cho vay TD 29100032 ký ngày 11/07/2017, Ngân hàng khởi kiện ông Nguyễn Hồng N đã ghi đầy đủ và đúng địa chỉ nơi cư trú của ông N theo hợp đồng cho vay, nhưng do ông N thay đổi nơi cư trú mà không thông báo cho Ngân hàng biết nơi cư trú mới thì được coi là ông N cố tình giấu địa chỉ nên căn cứ theo quy định tại khoản 3 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 277 của Bộ luật Dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Hồng N.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Về tính hợp pháp của hợp đồng cho vay TD 29100032 ký ngày 11/07/2017 ký kết giữa Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam với ông Nguyễn Hồng N là hoàn toàn tự nguyện, tuân thủ các quy định của pháp luật về giao kết hợp đồng được quy định tại Điều 116, 117, 119 của Bộ luật Dân sự nên hợp đồng trên hợp pháp và có hiệu lực pháp luật.

[4] Về quá trình thực hiện hợp đồng: Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã thực hiện đúng các thỏa thuận trong hợp đồng, đã thực hiện việc giải ngân theo cam kết cho ông Nguyễn Hồng N số tiền 150.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo kỳ hạn đã cam kết, từ khi vay đến ngày 01/10/2021, ông Nguyễn Hồng N còn nợ lại Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam tổng cộng số tiền 222.587.500 đồng (Trong đó: Nợ gốc 142.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.758.800 đồng, nợ lãi quá hạn 44.328.700 đồng) mặc dù Ngân hàng đã nhiều lần nhắc nhở. Do đó, việc Ngân hàng yêu cầu ông Nguyễn Hồng N trả số tiền nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 01/10/2021) tổng cộng số tiền 222.587.500 đồng là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng; Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất,

phạt vi phạm; Điều 466 Bộ luật Dân sự nên Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[5] Về mức lãi suất mà ông Nguyễn Hồng N phải trả cho Ngân hàng kể từ ngày tiếp theo ngày tuyên án sơ thẩm trên số nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Áp dụng Án lệ số 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016, thì kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (ngày 02/10/2021), ông Nguyễn Hồng N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số TD 29100032 ký ngày 11 tháng 07 năm 2017.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Nguyễn Hồng N phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[7] Đề nghị của vị Kiểm sát viên tại phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[8] Các đương sự được quyền kháng cáo Bản án theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, 72, 147, 179, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều khoản 3 Điều 40, 116, 117, 119, khoản 2 Điều 277, 463, 466 của Bộ luật Dân sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng;

Điều 7 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao;

Căn cứ vào Án lệ số: 08/2016/AL được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 17/10/2016;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam.

Buộc ông Nguyễn Hồng N trả cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam số tiền 222.587.500 đồng (Trong đó: Nợ gốc 142.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 35.758.800 đồng, nợ lãi quá hạn 44.328.700 đồng).

Kể từ ngày 02/10/2021, ông Nguyễn Hồng N phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi đối với khoản tiền nợ gốc chưa thanh toán cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất quá hạn mà hai bên thỏa thuận trong hợp đồng cho vay số TD29100032 ngày 11 tháng 7 năm 2017 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh mức lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà ông Nguyễn Hồng N phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của ngân hàng cho vay.

Về án phí: Buộc ông Nguyễn Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm số tiền là 11.129.375 đồng.

Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam không phải chịu án phí. Hoàn trả cho Ngân hàng hợp tác xã Việt Nam số tiền tạm ứng án phí dân sự đã nộp là 4.947.058 đồng, theo biên lai số 0001396 ngày 16 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án; tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án; theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKS ND H. Châu Thành;
- Cc. THA DS H. Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu HS (VP).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Sơn Thị Hồng Nhân